

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LỘC  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HS- ST  
Ngày 23 - 11 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nông Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Thu

Ông Vũ Hải Quân

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Thào - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc tham gia phiên toà:***  
Bà Nguyễn Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 84/2020/TLST- HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

**Đào Đức A**, (tên gọi khác: Không); sinh ngày 04 tháng 01 năm 1989 tại huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Ngọc T (sinh năm 1969) và bà Lê Thị M (sinh năm 1965); có vợ Chu Thị U (đã ly hôn), có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án tại Bản án số 67/2017/HS-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; nhân thân: tại Bản án số 129/2009/HSPT ngày 14/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 03 tháng tù giam về tội Đánh bạc, đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2020 đến nay; có mặt.

***- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*** Ông Đào Ngọc T, sinh năm 1969 và bà Lê Thị M, sinh năm 1965 (là bố mẹ của bị cáo); cùng trú tại: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; đều có mặt.

***- Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Lâm Xuân G - Luật sư, văn phòng luật sư Nghĩa - Hiệp thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Đồng Chí D, sinh năm 1988, trú tại: Khu D, thị trấn G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Hà Văn H, sinh năm 1984, trú tại: Xóm N, xã R, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Chị Vi Thị N, sinh năm 1977, trú tại: Thôn L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nghiêm Xuân Q; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn K; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn P; vắng mặt.

4. Anh Hà Văn S; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Đức A làm lái xe thuê cho anh Đồng Chí D sinh năm 1988, trú tại: Khu D, thị trấn G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1984; trú tại: Khu V, thị trấn G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/10/2019 anh Đồng Chí D có giao xe ô tô Ford Transit, biển kiểm soát 12B-001.92 cho Nghiêm Xuân Q, sinh năm 1992; trú tại: Xóm U, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (cũng là người làm thuê cho anh Đại) để Đào Đức A và Nghiêm Xuân Q chở hàng từ Lạng Sơn xuống Hà Nội. Khoảng 05 giờ cùng ngày Đào Đức A và Nghiêm Xuân Q về đến kho hàng tại khu S, thị trấn G thì Nghiêm Xuân Q có lấy lại chìa khóa xe từ Đào Đức A để khóa cửa xe rồi cả hai về khu trọ để ngủ. Khi về phòng trọ Nghiêm Xuân Q có để chìa khóa xe trên đầu giường còn Đào Đức A về phòng trọ ở phía đối diện để ngủ. Do nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô nêu trên đi cầm cố lấy tiền tiêu sài nên khi thấy Nghiêm Xuân Q đã ngủ say, Đào Đức A đã lên vào phòng lấy chìa khóa xe ô tô rồi lái xe ô tô đi. Sau khi lấy được xe ô tô, Đào Đức A đã gặp Vi Thị N (sinh năm 1977; trú tại: Thôn L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Lạng Sơn) để đặt vấn đề đi Bắc Giang cầm cố xe ô tô, Đào Đức A nói với N xe này là của anh rể Đào Đức A nên Vi Thị N đồng ý đi cùng Đào Đức A. Vi Thị N đã liên lạc với Hà Văn S, sinh năm 1977; trú tại: Xóm N, xã R, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, đặt vấn đề cầm cố xe ô tô thì Hà Văn S đồng ý. Sau đó do Hà Văn S không đủ khả năng cầm cố chiếc xe nên đã liên lạc với Hà Văn H, sinh năm 1984, trú tại: Xóm N, xã R, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, để hỏi Hà Văn H có nhận cầm cố hoặc mua bán lại chiếc xe trên không thì Hà Văn H đồng ý mua lại và ra xem xe. Tại bến xe thành phố B, Vi Thị N, Đào Đức A gặp Hà Văn S, Hà Văn H, Nguyễn Văn P, sinh năm 1987 trú tại: Xóm N, xã R, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (là người đi cùng Hà Văn H đến)

và trao đổi, viết giấy bán xe cho Hà Văn H, với số tiền 70.000.000 đồng, dùng chứng minh thư nhân dân của Vi Thị N và lấy tên là Hoàng Văn V, sau đó Đào Đức A bỏ đi và Vi Thị N bắt xe về Lạng Sơn.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày Nghiêm Xuân Q ngủ dậy và không thấy xe ô tô đâu nên Nghiêm Xuân Q gọi cho anh Đồng Chí D hỏi xe thì anh Đồng Chí D nói không được lấy xe, đồng thời Nghiêm Xuân Q qua phòng trọ của Đào Đức A ngủ thì không thấy Đào Đức A ở phòng trọ và quần áo cũng mang đi hết. Sau đó Nghiêm Xuân Q có gọi cho Đào Đức A nhưng không liên lạc được. Khoảng 13 giờ cùng ngày thì Đào Đức A có nhắn tin cho Nguyễn Văn K, sinh năm 1984, trú tại: Khu V, thị trấn G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, nội dung: Gọi lại vào số 0977.475.701 nên Nguyễn Văn K gọi vào số điện thoại nêu trên thì biết được đây là số điện thoại chủ hiệu cầm đồ ở Bắc Giang mà Đào Đức A đã cầm cố xe ô tô với giá 70.000.000 đồng. Sau khi biết sự việc anh Đồng Chí D đã trình báo đến cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra, Đào Đức A khai nhận: Hồi 05 giờ ngày 07/10/2019 tại khu vực tổ E, Khu D, thị trấn G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đào Đức A đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD TRANSIT loại 16 chỗ ngồi màu bạc, biển kiểm soát: 12B-001.92 của anh Đồng Chí D sau đó mang bán lấy tiền tiêu sài.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD TRANSIT loại 16 chỗ ngồi màu bạc, biển kiểm soát: 12B-001.92; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003075 và 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 963641; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 0374825; 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 080945699 mang tên Vi Thị N; 02 (hai) giấy bán xe viết tay lập ngày 07/10/2019.

Bản Kết luận định giá tài sản số: 34/KLĐGTSHS ngày 06/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn kết luận: Xe ô tô biển số đăng ký 12B - 001.92 nhãn hiệu FORD TRANSIT, SỐ LOẠI TRANSIT JX6582TM3, màu sơn ghi vàng, số máy B7P10021DURATORQ4D243H số khung RL3MLTGMCBUR27896, đăng ký lần đầu 02/02/2012, có giá trị được định giá là 251.700.000 (hai trăm năm mươi một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Bản Kết luận giám định pháp y số: 361/GĐ-PY ngày 29/9/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trong khi thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm giám định, bị cáo Đào Đức A bị bệnh rối loạn cảm xúc thực tổn mức độ nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.3. Tại các thời điểm trên bị cáo đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Bản Cáo trạng số: 80/CT-VKS ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Đào Đức A về Tội trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại anh Đồng Chí D vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản, đề nghị xử lý hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đào Đức A ông Đào Ngọc T và bà Lê Thị M trình bày: Ông, bà nhất trí với nội dung bản Cáo trạng đã truy tố bị cáo Đào Đức A về Tội trộm cắp tài sản và trong quá trình bắt giữ, điều tra, truy tố và xét xử đối với bị cáo Đào Đức A. Các Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo khi bị cáo là người bị hạn chế năng lực hành vi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ và liên quan đến vụ án anh Hà Văn H trình bày: Ngày 07/10/2019 khi tôi được Hà Văn S giới thiệu mua xe ô tô, tôi đã gặp bị cáo Đào Đức A và chị Vi Thị N, khi gặp nhau bị cáo Đào Đức A và chị Vi Thị N nói là hai vợ chồng đã mua lại chiếc xe ô tô này không chính chủ giờ muốn sang lại, xe lại đầy đủ giấy tờ, bị cáo Đào Đức A và chị Vi Thị N đều ký vào giấy bán xe ô tô cho tôi nên tôi đã mua lại nó. Tôi không biết đó là xe do bị cáo Đào Đức A trộm cắp. Nay tôi yêu cầu bị cáo Đào Đức A và chị Vi Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho tôi số tiền 70.000.000 đồng vì hai người đều là người ký bán xe ô tô cho tôi. Tuy nhiên sau khi nghe bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình và xin tôi giảm bớt số tiền phải trả, tôi thấy hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, tôi cho con của bị cáo Đào Đức A 20.000.000 đồng, số tiền còn lại 50.000.000 đồng tôi yêu cầu bị cáo Đào Đức A và chị Vi Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho tôi.

Tại phiên tòa bị cáo Đào Đức A, chị Vi Thị N nhất trí trả lại cho anh Hà Văn H số tiền 50.000.000 đồng.

Bị cáo Đào Đức A, chị Vi Thị N và anh Hà Văn H cùng thống nhất thỏa thuận bị cáo Đào Đức A sẽ có trách trả lại cho anh Hà Văn H 40.000.000 đồng, chị Vi Thị N sẽ có trách trả lại cho anh Hà Văn H 10.000.000 đồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đào Đức A phạm Tội trộm cắp tài sản; căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38, Điều 50, điểm s, q khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đào Đức A từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD TRANSIT loại 16 chỗ ngồi màu bạc, biển kiểm soát: 12B-001.92; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003075 và 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 963641, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 0374825; Ngày 17/11/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đồng Chí D. Đối với 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 080945699 mang tên Vi Thị N đây là giấy tờ cá nhân của chị Vi Thị N, việc trả lại không ảnh hưởng đến quá trình quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Vi Thị N.

Đối với 02 (hai) giấy bán xe viết tay lập ngày 07/10/2019. Đây là tài liệu quan trọng, hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đào Đức A vì bị cáo không có việc làm và là người bị hạn chế về năng lực hành vi.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 70.000.000 đồng của anh Hà Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã trả cho bị cáo Đào Đức A khi mua 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD TRANSIT loại 16 chỗ ngồi màu bạc, biển kiểm soát: 12B-001.92, tại phiên tòa anh Hà Văn H có ý kiến cho con bị cáo Đào Đức A 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại 50.000.000 đồng bị cáo Đào Đức A và chị Vi Thị N cùng có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh. Bị cáo Đào Đức A, chị Vi Thị N và anh Hà Văn H tại phiên tòa đã cùng thống nhất thỏa thuận, bị cáo Đào Đức A và chị Vi Thị N cùng có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh Hà Văn H số tiền 50.000.000 đồng. Cụ thể: Bị cáo Đào Đức A sẽ có trách nhiệm trả lại cho anh Hà Văn H 40.000.000 đồng, chị Vi Thị N sẽ có trách nhiệm trả lại cho anh Hà Văn H 10.000.000 đồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên của bị cáo Đào Đức A, chị Vi Thị N và anh Hà Văn H.

Người bào chữa cho bị cáo Đào Đức A không có ý kiến tranh luận về tội danh, về điều luật áp dụng, về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự các bên đã tự nguyện thỏa thuận. Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đào Đức A thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và bị cáo Đào Đức A là người bị hạn chế năng lực hành vi và hành vi phạm tội mang tính bột phát. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều Điều 173; các điểm q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đào Đức A được hưởng mức án khởi điểm của khung hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội trở về với gia đình và xã hội

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị hại anh Đồng Chí D theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị hại vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án tiến

hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại anh Đồng Chí D theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[3] Về việc thay đổi địa vị tố tụng của người tham gia tố tụng: Chị Vi Thị N đã cùng bị cáo Đào Đức A ký tên người bán xe trong giấy bán xe cho anh Hà Văn H, xác định chị Vi Thị N có liên quan đến phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Hội đồng xét xử quyết định thay đổi địa vị tố tụng của chị Vi Thị N từ người làm chứng sang người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[4] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có trong hồ sơ vụ án và lời khai của họ tại phiên tòa, phù hợp với Kết luận định giá tài sản số: 34/KLĐGTSHS ngày 18/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Đào Đức A làm lái xe thuê cho anh Đồng Chí D, do nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô đi cầm cố lấy tiền tiêu sài nên hồi 05 giờ ngày 07/10/2019 tại khu vực tổ E, Khu D, thị trấn G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đào Đức A đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD TRANSIT loại 16 chỗ ngồi màu bạc, biển kiểm soát: 12B-001.92 của anh Đồng Chí D sau đó mang bán lấy tiền tiêu sài. Giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp được Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn định giá là 251.700.000 đồng. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Đào Đức A là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đào Đức A phạm tội Trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân mà vẫn cố ý thực hiện. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo như sau:

[6] Về nhân thân: Bị cáo đã 02 lần bị Tòa án xét xử, một là về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích) và hai là về tội Mua bán trái phép chất ma túy (chưa được xóa án tích). Do vậy, xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 29-12-2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tại Kết luận giám định

pháp y số: 361/GĐ-PY ngày 29/9/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trong khi thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm giám định, bị cáo Đào Đức A bị bệnh rối loạn cảm xúc thực tổn mức độ nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.3. Tại các thời điểm trên bị cáo đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đại

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy, bị cáo không có việc làm và là người bị hạn chế về năng lực hành vi, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Đồng Chí D không yêu cầu bị cáo bồi thường về tài sản vì tài sản anh đã được Cơ quan điều tra trả lại đầy đủ. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Đối với số tiền 70.000.000 đồng của anh Hà Văn H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã trả cho bị cáo Đào Đức A khi mua 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD TRANSIT loại 16 chỗ ngồi màu bạc, biển kiểm soát: 12B-001.92. Tại phiên tòa anh có ý kiến anh cho con của bị cáo Đào Đức A 20.000.000 đồng số còn lại 50.000.000 đồng, anh yêu cầu bị cáo Đào Đức A và chị Vi Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh. Bị cáo Đào Đức A, chị Vi Thị N nhất trí trả cho anh Hà Văn H 50.000.000 đồng. Bị cáo Đào Đức A, chị Vi Thị N và anh Hà Văn H cùng thống nhất thỏa thuận, bị cáo Đào Đức A sẽ có trách nhiệm trả lại cho anh Hà Văn H 40.000.000 đồng, chị Vi Thị N sẽ có trách nhiệm trả lại cho anh Hà Văn H 10.000.000 đồng. Việc thỏa thuận trên của bị cáo Đào Đức A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hà Văn H, chị Vi Thị N là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Hà Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Đào Đức A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vi Thị N chậm trả tiền thì bị cáo Đào Đức A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vi Thị N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[12] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã trả lại 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD TRANSIT loại 16 chỗ ngồi màu bạc, biển kiểm soát: 12B-001.92; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003075 và 01 giấy chứng nhận kiểm định số 963641, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 0374825 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đồng Chí D. Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 080945699 mang tên Vi Thị N đây là giấy tờ cá nhân của chị Vi Thị N, việc trả lại không ảnh hưởng

đến quá trình giải quyết vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Vi Thị N. Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với 02 (hai) giấy bán xe viết tay lập ngày 07/10/2019. Đây là tài liệu quan trọng, hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án.

[15] Đối với chị Vi Thị N quá trình điều tra bị cáo khai việc trao đổi, giao dịch mua bán xe ô tô là do chị Vi Thị N thực hiện cùng bị cáo Đào Đức A. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã điều tra làm rõ bản thân chị Vi Thị N không biết chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD TRANSIT màu xám, biển kiểm soát 12B-001.92 là do bị cáo Đào Đức A trộm cắp mà có, việc chị Vi Thị N liên lạc với Hà Văn S và Hà Văn H là do bị cáo Đào Đức A nhờ, nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị Vi Thị N, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đối với anh Hà Văn H: Do bản thân anh Hà Văn H không biết rõ về nguồn gốc của chiếc xe nói trên là do bị cáo Đào Đức A trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh Hà Văn H về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Đối với anh Hà Văn S: Là người trung gian liên lạc, giới thiệu cho anh Hà Văn H về chị Vi Thị N, bị cáo Đào Đức A. Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã tiến hành xác minh xác định anh Hà Văn S không biết chiếc xe ô tô là tài sản do phạm tội mà có và không được hưởng lợi gì từ việc mua bán chiếc xe này, do đó không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Hà Văn S, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về mức hình phạt. Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[19] Về án phí: Bị cáo Đào Đức A bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Đào Đức A phải bồi thường về dân sự nên bị cáo phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí có giá ngạch. Tổng cộng là 2.200.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Vi Thị N phải chịu 500.000 đồng tiền án phí có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[20] Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH



Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s, q khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các điều 357; 584; 585; 586; 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các điều 235; 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Đức A phạm Tội trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đào Đức A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/3/2020.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Đào Đức A.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Đào Đức A, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vi Thị N và anh Hà Văn H cụ thể:

Bị cáo Đào Đức A sẽ có trách nhiệm trả lại cho anh Hà Văn H; trú tại: Xóm N, xã R, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Chị Vi Thị N sẽ có trách nhiệm trả lại cho anh Hà Văn H; trú tại: Xóm N, xã R, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hà Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Đào Đức A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vi Thị N chậm trả tiền thì bị cáo Đào Đức A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vi Thị N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí: Bị cáo Đào Đức A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền bị cáo Đào Đức A phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước là 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan đến vụ án chị Vi Thị N phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo; Luật sư bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- VKSND huyện Cao Lộc (1b);
- Công an huyện Cao Lộc (2b);
- Chi cục THA dân sự huyện Cao Lộc (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Người có QL&NVLQ (2b);
- Luật sư bào chữa (1b);
- Đại diện HP của bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nông Thị Hà**